

Số: 38/2022/QĐST-HNGĐ

V, ngày 21 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-VDS ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Đoàn Đức T, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Chị Mai Thị Kim Y, sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú: thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Đức T và chị Mai Thị Kim Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình ngày 04 tháng 9 năm 2019. Sau khi kết hôn, ngay từ thời gian đầu vợ chồng chung sống đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh chị luôn bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực nên thường xuyên cãi, chửi nhau. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng lớn dần. Mâu thuẫn đỉnh điểm và căng thẳng nhất là từ tháng 01 năm 2020. Bản thân anh chị đã cho nhau cơ

hội để cải thiện tình cảm vợ chồng và cũng đã được hai bên gia đình phân tích, hòa giải nhưng không có kết quả, tình trạng vợ chồng ngày càng xấu đi. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 02 năm 2020 đến nay, chị Yến đã về nhà bố mẹ để ở thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống. Vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay anh T và chị Y đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Đoàn Đức T và chị Mai Thị Kim Y có 01 con chung là Đoàn Yến N, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2020. Hiện tại con Yến N đang do chị Y chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh T và chị Y thỏa thuận, sau khi ly hôn: Giao cho chị Mai Thị Kim Y trực tiếp nuôi dưỡng con Yến N, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Đoàn Yến N mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ khi ly hôn đến khi con Yến N đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần. Anh Đoàn Đức T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh Đoàn Đức T và chị Mai Thị Kim Y thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Đoàn Đức T và chị Mai Thị Kim Y mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận của anh T và chị Y là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Đức Thịnh và chị Mai Thị KimYến thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Đoàn Đức T và chị Mai Thị KimY thống nhất thỏa thuận: Sau khi ly hôn, giao cho chị Mai Thị Kim Y trực tiếp nuôi dưỡng con Yến N, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Đoàn Yến N mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi con Yến N đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần.

Anh Đoàn Đức T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng

nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

1.3. Về tài sản chung: Anh Đoàn Đức T và chị Mai Thị Kim Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đoàn Đức T và chị Mai Thị Kim Y mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số 0001100 và Biên lai số 0001101 ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình
(GCNKH số 24/2019, ngày 04/9/2019);
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu HCTP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)